

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đình

Ông Trương Văn Huy

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Mai Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2019/QĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2019 và Thông báo dời ngày xét xử số 06/TB-TA ngày 01/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kiều M, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Định Phú B, xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Cheng Chen H, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đài Loan (Trung quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018 của chị Lê Thị Kiều M là nguyên đơn trình bày: Năm 2017 do mai mối chị và anh Cheng Chen H đồng ký kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T vào ngày 25/8/2017.

Sau khi kết hôn với anh Cheng Chen H, chị chung sống không hạnh phúc do bất đồng về ngôn ngữ, tính tình không hợp nhau anh Cheng Chen H không quan tâm cuộc sống chung của vợ chồng. Trong thời gian chung sống với nhau anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị Lê Thị Kiều M xin được ly hôn với anh Cheng Chen H.

Anh Cheng Chen H được Tòa án Ủy thác cho Bộ tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt và không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Kiều M xin ly hôn với anh Cheng Chen H là chính đáng. Sau khi cưới nhau anh chị không chung sống với nhau do bất đồng ngôn ngữ, tình cảm không còn do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh chị ly hôn với nhau. Anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật của vụ án “Tranh chấp ly hôn” căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37, 470 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Chị Lê Thị Kiều M có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa xét xử vắng mặt chị Lê Thị Kiều M.

Anh Cheng Chen H đã được ủy thác tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 474, 476, 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân; Chị Lê Thị Kiều M và anh Cheng Chen H xác lập hôn nhân vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh Cheng Chen H có bảo lãnh chị Lê Thị Kiều M sang Đài Loan sinh sống được 01 tháng do tính tình không hợp nhau chị Lê Thị Kiều M trở về Việt Nam sinh sống, từ đó hai người không còn liên lạc với nhau.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 có quy định về tình nghĩa vợ chồng: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng,

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng cả chị Lê Thị Kiều M và anh Cheng Chen H đã không thực hiện các nghĩa vụ này với nhau. Chị Lê Thị Kiều M đã xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Cheng Chen H thì không đến Tòa án để khai báo.

Xét khả năng để chị Lê Thị Kiều M và anh Cheng Chen H đoàn tụ với nhau là không có vì sau thời gian chị Lê Thị Kiều M về Việt Nam sinh sống đến nay hai bên không còn liên lạc với nhau. Hiện nay mỗi người sống ở mỗi nước khác nhau, điều kiện chăm sóc, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, bền vững là không thể thực hiện. Do đó việc chị Lê Thị Kiều M yêu cầu xin ly hôn với anh Cheng Chen H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp chị Lê Thị Kiều M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37, 277, 410, 477 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều M.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiều M, cho chị Lê Thị Kiều M và anh Cheng Chen H được ly hôn với nhau;

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, chị Lê Thị Kiều M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017019 ngày 27/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nên cần trừ.

Về lệ phí Ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị Kiều M phải chịu 200.000 đồng. Chị Lê Thị Kiều M đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0017029 ngày 29/05/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nên cần trừ.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Trung